TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26- 3- 2021
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Ông Hà Quang Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 586/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2021giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1984
Bị đơn: Anh Nguyễn Công K, sinh năm 1980
Cùng cư trú tại: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Công K tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tyêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Công K.

Về con chung*:* Quá trình chung sống vợ chồng có 01con chung tên Nguyễn Võ Quỳnh A, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2012, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị Tkhông mang thai. Khi ly hôn chị Tyêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung*:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của bà Trần Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước số tiền 10.000.000 đồng, chị Ttự nguyện trả nợ số tiền trên cho bà Mai.

Bị đơn anh Nguyễn Công K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công K tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Võ Thị Thanh T vào ngày 29/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Thủy

Về con chung*:* Vợ chồng có 01con chung tên Nguyễn Võ Quỳnh A, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2012, khi ly hôn anh K đồng ý giao cho chị Tnuôi con chung cháu Nguyễn Võ Quỳnh A, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H trình bày: Bà Mai có cho vợ chồng chị Tvay số tiền 10.000.000 đồng, nhưng bà Mai không yêu cầu và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Công K, giao con chung Nguyễn Võ Quỳnh Anh, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2012 cho chị Võ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T khởi kiện anh Nguyễn Công K yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, do đó Tòa án xác định đây là quan hệ trang chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Công K có nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án viết bản trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn vắng mặt. Do đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Tvà anh K là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện H, tỉnh Bình Phước. Chị Tcho rằng vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2014 và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh K, anh K cũng đồng ý ly hôn với chị Thủy. Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Tvà anh K trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, nên tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng ly thân, hôn nhân không đạt được. Việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Tvà anh K là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Võ Quỳnh Anh, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2012. Khi ly hôn chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Công K thống nhất giao cho chị Võ Thị Thanh T nuôi con chung Nguyễn Võ Quỳnh Anh, anh K không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy các bên tự nguyện thể hiện chị Tnuôi cháu Nguyễn Võ Quỳnh Anh, cháu Nguyễn Võ Quỳnh Anh có nguyện vọng ở với chị Thủy. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Tvề việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Trong quá trình sống chung chị Thủy, anh K có nợ của bà Trần Thị H số tiền 10.000.000 đồng, bà Thủy đồng ý trả cho bà Mai, tuy nhiên bà Mai không yêu cầu, cũng như không có ý kiến gì đối với số tiền nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T phải nộp số tiền 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002419 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 226 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Thanh T với anh Nguyễn Công K.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 quyển số 01 ngày 29/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện H, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Võ Quỳnh A, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2012 cho chị Võ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Công K có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, Chị Thủy, anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T phải nộp số tiền 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002419 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Quốc Thành